

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2021-2022
Trường :	Trường TH Tân Hiệp

THÔNG TƯ 27	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2					
			Tổng số HS có	Trong tổng số					Tổng số HS có	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp 1	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp 2	Khuyết tật
I. Kết quả học tập														
1. Tiếng Việt	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		105	53	27	2	2			52	32	1	1		
Hoàn thành		99	47	21	3	2			52	23	1			
Chưa hoàn thành		5	5											
2. Toán	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		104	52	26	2	2			52	32	1	1		
Hoàn thành		101	49	22	3	2			52	23	1			
Chưa hoàn thành		4	4											
3. Đạo đức	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		107	53	27	2	2			54	33	1	1		
Hoàn thành		102	52	21	3	2			50	22	1			
Chưa hoàn thành														
4. Tự nhiên và Xã hội	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		108	53	27	2	2			55	33	1	1		
Hoàn thành		101	52	21	3	2			49	22	1			
Chưa hoàn thành														
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		104	52	25	2	2			52	33				
Hoàn thành		105	53	23	3	2			52	22	2	1		
Chưa hoàn thành														
6. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		104	52	25	2	2			52	33				
Hoàn thành		105	53	23	3	2			52	22	2	1		
Chưa hoàn thành														
7. Hoạt động trải nghiệm	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		104	53	27	2	2			51	31	1	1		
Hoàn thành		105	52	21	3	2			53	24	1			
Chưa hoàn thành														
8. Giáo dục thể chất	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		102	50	24	2	2			52	33				
Hoàn thành		107	55	24	3	2			52	22	2	1		
Chưa hoàn thành														
9. Ngoại ngữ	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Hoàn thành tốt		99	50	24	2	2			49	30				
Hoàn thành		110	55	24	3	2			55	25	2	1		
Chưa hoàn thành														
10. Tiếng dân tộc	212													
Hoàn thành tốt														
Hoàn thành														
Chưa hoàn thành														
II. Năng lực cốt lõi														
Năng lực chung														
Tự chủ và tự học	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		112	53	27	2	2			59	37	1	1		
Đạt		96	51	21	3	2			45	18	1			
Cần cố gắng		1	1											
Giao tiếp và hợp tác	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		113	55	29	2	2			58	36	1	1		
Đạt		96	50	19	3	2			46	19	1			
Cần cố gắng														
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		111	53	27	2	2			58	36	1	1		

Đạt		96	50	21	3	2			46	19	1			
Cần cố gắng		2	2											
Năng lực đặc thù														
Ngôn ngữ	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		111	53	27	2	2			58	36	1	1		
Đạt		93	47	21	3	2			46	19	1			
Cần cố gắng		5	5											
Tính toán	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		111	53	26	2	2			58	36	1	1		
Đạt		93	47	22	3	2			46	19	1			
Cần cố gắng		5	5											
Khoa học	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		111	53	27	2	2			58	36	1	1		
Đạt		98	52	21	3	2			46	19	1			
Cần cố gắng														
Thâm mĩ	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		112	54	28	2	2			58	36	1	1		
Đạt		97	51	20	3	2			46	19	1			
Cần cố gắng														
Thể chất	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		118	53	27	2	2			65	39	1	1		
Đạt		91	52	21	3	2			39	16	1			
Cần cố gắng														
III. Phẩm chất chủ yếu														
Yêu nước	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		121	57	29	2	2			64	38	1	1		
Đạt		88	48	19	3	2			40	17	1			
Cần cố gắng														
Nhân ái	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		125	58	29	3	2			67	40	1	1		
Đạt		84	47	19	2	2			37	15	1			
Cần cố gắng														
Chăm chỉ	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		123	59	30	3	2			64	39	1	1		
Đạt		86	46	18	2	2			40	16	1			
Cần cố gắng														
Trung thực	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		131	62	32	3	2			69	41	1	1		
Đạt		78	43	16	2	2			35	14	1			
Cần cố gắng														
Trách nhiệm	212	209	105	48	5	4			104	55	2	1		
Tốt		126	62	32	3	2			64	38	1	1		
Đạt		83	43	16	2	2			40	17	1			
Cần cố gắng														
IV. Đánh giá KQGD	212													
- Hoàn thành xuất														
- Hoàn thành tốt□														
- Hoàn thành														
- Chưa hoàn thành□														
V. Khen thưởng		95	51	26	2	2			44	28				1
- Giấy khen cấp trường		95	51	26	2	2			44	28				1
- Giấy khen cấp trên														
VI. HSDT được trợ giảng														
VII. HS.K.Tật		3	1					1	2	1				2
VIII. HS bỏ học kỳ II														
+ Hoàn cảnh GDKK														
+ KK trong học tập														
+ Xa trường, đi lại K.khẩn														
+ Thiên tai, dịch bệnh														
+ Nguyên nhân khác														

IX. Chương trình lớp học ☐	212	212	106	48	5	4		1	106	56	2	1		2
- Hoàn thành	207	207	101	48	5	4		1	106	56	2	1		2
- Chưa hoàn thành	5	5	5											

1. Chất lượng giáo dục

THÔNG TƯ 22	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																				
1. Tiếng Việt	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		174	60	36	1	1			55	33					59	33	1			
Hoàn thành		176	63	30	7	4		1	65	18	3				48	17	3	1		
Chưa hoàn thành																				
2. Toán	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		162	61	34	2	1			54	32					47	24	1			
Hoàn thành		188	62	32	6	4		1	66	19	3				60	26	3	1		
Chưa hoàn thành																				
3. Đạo đức	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		189	64	38	2	2			57	34					68	36	1			
Hoàn thành		161	59	28	6	3		1	63	17	3				39	14	3	1		
Chưa hoàn thành																				
4. TN & XH	125	123	123	66	8	5		1												
Hoàn thành tốt		63	63	36	1	1														
Hoàn thành		60	60	30	7	4		1												
Chưa hoàn thành																				
5. Khoa học	231	227							120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		120							57	34					63	35	1			
Hoàn thành		107							63	17	3				44	15	3	1		
Chưa hoàn thành																				
6. LS & DL	231	227							120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		121							57	34					64	35	1			
Hoàn thành		106							63	17	3				43	15	3	1		
Chưa hoàn thành																				
7. Âm nhạc	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		151	54	33	1	1			51	30					46	23	1			
Hoàn thành		199	69	33	7	4		1	69	21	3				61	27	3	1		
Chưa hoàn thành																				
8. Mỹ thuật	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		151	54	33	1	1			51	30					46	23	1			
Hoàn thành		199	69	33	7	4		1	69	21	3				61	27	3	1		
Chưa hoàn thành																				
9. Thủ công, Kỹ thuật	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		184	66	39	2	2			57	34					61	33	1			
Hoàn thành		166	57	27	6	3		1	63	17	3				46	17	3	1		
Chưa hoàn thành																				
10. Thể dục	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		159	55	33	2	1			55	33					49	27	1			
Hoàn thành		191	68	33	6	4		1	65	18	3				58	23	3	1		
Chưa hoàn thành																				
11. Ngoại ngữ	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		153	53	33	1	1			51	31					49	25	1			
Hoàn thành		197	70	33	7	4		1	69	20	3				58	25	3	1		
Chưa hoàn thành																				
12. Tin học	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Hoàn thành tốt		150	52	33	1	1			52	32					46	23	1			
Hoàn thành		200	71	33	7	4		1	68	19	3				61	27	3	1		

Chưa hoàn thành																				
13. Tiếng dân tộc	356																			
Hoàn thành tốt																				
Hoàn thành																				
Chưa hoàn thành																				
II. Năng lực																				
Tự phục vụ tự quản	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Tốt		199	69	37	3	2			57	34					73	39	2	1		
Đạt		151	54	29	5	3		1	63	17	3				34	11	2			
Cần cố gắng																				
Hợp tác	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Tốt		196	65	37	3	2			57	34					74	39	3	1		
Đạt		154	58	29	5	3		1	63	17	3				33	11	1			
Cần cố gắng																				
Tự học và giải quyết vấn đề	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Tốt		191	65	37	3	2			57	34					69	36	1			
Đạt		159	58	29	5	3		1	63	17	3				38	14	3	1		
Cần cố gắng																				
III. Phẩm chất																				
Chăm học chăm làm	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Tốt		199	66	38	3	2			57	34					76	40	2	1		
Đạt		151	57	28	5	3		1	63	17	3				31	10	2			
Cần cố gắng																				
Tự tin trách nhiệm	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Tốt		194	65	37	3	2			57	34					72	36	2			
Đạt		156	58	29	5	3		1	63	17	3				35	14	2	1		
Cần cố gắng																				
Trung thực kỷ luật	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Tốt		213	65	37	3	2			57	34					91	45	4	1		
Đạt		137	58	29	5	3		1	63	17	3				16	5				
Cần cố gắng																				
Đoàn kết yêu thương	356	350	123	66	8	5		1	120	51	3				107	50	4	1		
Tốt		232	68	38	3	2			57	34					107	50	4	1		
Đạt		118	55	28	5	3		1	63	17	3									
Cần cố gắng																				
IV. Khen thưởng		130	46	29	1	1			45	28					39	19	1			
- Giấy khen cấp trường		130	46	29	1	1			45	28					39	19	1			
- Giấy khen cấp trên																				
V. HSDT được trợ giảng																				
VI. HS.K.Tật		6	2	1				2	4					4						
VII. HS bỏ học kỳ II																				
+ Hoàn cảnh GDKK																				
+ KK trong học tập																				
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																				
+ Thiên tai, dịch bệnh																				
+ Nguyên nhân khác																				
VIII. Chương trình lớp học ☐	356	356	125	67	8	5		2	124	51	3			4	107	50	4	1		
Hoàn thành	356	356	125	67	8	5		2	124	51	3			4	107	50	4	1		
Chưa hoàn thành																				

Phó Hiệu trưởng

Lâm Thị Kim Oanh